

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương** tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 953/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Cẩm L, sinh năm 1975; nơi cư trú: 1, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; nơi thường trú: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: Nhà T, số A, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Cẩm L trình bày:

Bà Trần Cẩm L và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285/2015, quyền số 02/2015 ngày 24/12/2015.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, bà Trần Cẩm L và ông Nguyễn Văn Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/3/2017.

Tuy nhiên, từ năm 2019, vợ chồng bà Trần Cẩm L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, không phụ bà Trần Cẩm L lo cho con. Mặt khác, khi vợ chồng không thuận hòa ông Đ có những lời lẽ không hay xúc phạm bà Trần Cẩm L. Bà L và ông Đ đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn tình cảm gia đình nhưng thành. Ông Đ sống với bà Trần Cẩm L nhưng không nhận được sự thông cảm, hay có tính gia trưởng, thường gây khó khăn với bà Trần Cẩm L trong cuộc sống, luôn tạo không khí không thoải mái khi chung sống với nhau. Bà Trần Cẩm L cảm thấy đời sống hôn nhân với ông Đ không có hạnh phúc, luôn cảm thấy áp lực trong cuộc sống. Do không thể sống chung được nên bà Trần Cẩm L và ông Nguyễn Văn Đ đã sống riêng với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không được chính quyền địa phương hay khu phố nơi cư trú hòa giải vì bà Trần Cẩm L không yêu cầu.

Nay bà Trần Cẩm L xác định đời sống chung với ông Nguyễn Văn Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà Trần Cẩm L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà Trần Cẩm L và ông Nguyễn Văn Đ có 01 người con tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/3/2017. Bà Trần Cẩm L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Cẩm L không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận nên bà L yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng nhưng vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Trần Cẩm L** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An do **Công an phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương** cung cấp thể hiện bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** hiện đang sinh sống và có đăng ký tạm trú tại địa chỉ **Nhà T, số A, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Cẩm L** và ông **Nguyễn Văn Đ** xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được **Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285/2015, quyển số 02/2015 ngày 24/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà **Trần Cẩm L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ** với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bên vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Cẩm L** và ông **Nguyễn Văn Đ** không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà **Trần Cẩm L** và ông **Nguyễn Văn Đ** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng

xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Cẩm L** về việc ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

[4.2] Về con chung: Bà **Trần Cẩm L** yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Nguyễn Gia K**, sinh ngày 08/3/2017. Xét con chung từ thời điểm ông **Đ** và bà **L** sống riêng, cháu **K** vẫn chung sống cùng và **L**, được chăm sóc tốt. Quá trình tố tụng, ông **Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, qua ghi nhận ý kiến của cháu **K** thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu là bà **Trần Cẩm L**. Do đó, bà **L** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Trần Cẩm L** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn Đ** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà **L** nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Trần Cẩm L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Cẩm L**.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Cẩm L** đối với ông **Nguyễn Văn Đ** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Cẩm L** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Gia K**, sinh ngày 08/3/2017 cho bà **Trần Cẩm L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Trần Cẩm L** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn Đ** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà **Trần Cẩm L** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013060 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh